

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 03-01-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Đỗ Sơn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2019/QĐST-DS ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1962 nơi cư trú: Số 364, tổ 5, ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982 nơi cư trú: Số 364, tổ 5, ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền lập ngày 06-08-2019, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Dương Văn Gi, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981 (có mặt)

Ông Gi và bà D cùng cư trú: Tổ 09, ấp LP, xã ÔLV, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 8 năm 2019 và lời khai của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông Gi và bà D nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Th từ vụ Hè thu năm 2018 đến ngày 07/5/2019 kết toán sổ ông Gi và bà Th còn nợ 203.929.000 đồng, trong đó 156.985.000 đồng có ký vào sổ mua bán, còn lại 46.955.000 đồng không ký nhận. Ông Th đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Gi, bà D cố tình không thực hiện. Nay ông Th yêu cầu ông Gi và bà D trả tiền mua bán còn nợ 203.929.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 07/5/2019 đến nay theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là vợ ông Gi, việc giao dịch mua bán giữa ông Th và ông Gi như thế nào bà không biết, sau này bà có nghe ông Gi nói thiếu nợ ông Th nhưng không biết số tiền bao nhiêu. Mỗi quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Gi không hòa thuận nên bà không quan tâm đến việc làm ăn của ông Gi, chỉ biết ông Gi làm ăn thua lỗ, tiêu nợ nhiều người. Ông Th khởi kiện yêu cầu trả số tiền 203.929.000 đồng bà không đồng ý, vì khi trả tiền chính bà là người đưa tiền trả cho ông Th nên chỉ còn thiếu lại 156.400.000 đồng. Ông Th yêu cầu bà cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ cho ông Th bà không đồng ý, vì đây là nợ riêng của ông Gi do ông Gi tự giao dịch làm ăn mua bán với người khác không thông qua bà.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với số tiền 46.955.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số 156.985.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Bị đơn bà D không đồng ý với yêu cầu buộc bà có trách nhiệm liên đới với ông Gi trả tiền cho ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Gi không có mặt theo giấy triệu tập xét xử là vi phạm nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+Về hướng giải quyết vụ án: Ông Th khởi kiện yêu cầu ông Gi và bà D có nghĩa vụ liên đới trả 203.929.000 đồng nhưng tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông Th rút yêu cầu khởi kiện bổ sung 46.955.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Th. Đối với yêu cầu khởi kiện 156.985.000 đồng, tại phiên tòa các bên thống nhất ông Gi còn nợ tiền vật tư nông nghiệp ông Th 156.985.000 đồng vụ Đông xuân năm 2019 có ký nhận sổ nợ ông Th. Bà D mặc dù không trực tiếp mua vật tư nông nghiệp nhưng bà biết rõ ông Gi mua vật tư nông nghiệp của ông Th nhằm phục vụ cho việc sản xuất lúa của gia đình, bà còn trực tiếp đưa tiền trả cho ông Th 30.618.000 đồng. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu ông Gi và bà D có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ 156.985.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 07/5/2019 là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Gi là bị đơn, đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Gi theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với số tiền 46.944.000 đồng.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Ông Th kinh doanh vật tư nông nghiệp, có đăng ký hộ kinh doanh. Ông Th có bán vật tư nông nghiệp cho ông Gi vụ Hè thu năm 2018 và Đông xuân năm 2019. Ông Th cho rằng ông Gi và vợ là bà D còn nợ tiền vật tư vụ Hè Thu năm 2018 và vụ Đông xuân năm 2019, ông Th yêu cầu ông Gi bà D liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp vụ Đông xuân năm 2019 số tiền 156.985.000 đồng và tính lãi từ ký nhận nợ ngày 07/5/2019. Bà D thừa nhận ông Gi nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Th vụ Đông xuân năm 2019 là 156.985.000 đồng nhưng bà không đồng ý cùng ông Gi liên đới trả nợ ông Th. Ông Gi đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông không có ý kiến trình bày, xem như mặc nhiên thừa nhận còn nợ ông Th 156.985.000 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông Th và bị đơn bà D thống nhất số tiền mua bán vụ Đông xuân năm 2019 là 330.618.000 đồng. Bà D trả 30.618.000 đồng, ông Gi trả 100.000.000 đồng, trừ lại vật tư thừa ông Gi còn nợ 156.985.000 đồng. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận xong vụ lúa Đông xuân thanh toán nhưng ông Gi không thanh toán đúng hạn nên ông Th khởi kiện yêu cầu trả vốn 156.985.000 đồng và tính lãi từ ngày ký nhận nợ 07/5/2019 là có căn cứ nên được chấp nhận. Ông Gi chậm trả tiền nên phải chịu lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 từ ngày 07/5/2019 đến khi xét xử. Số tiền lãi được tính như sau: 156.985.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 25 ngày = 10.247.000 đồng.

[2.3] Về trách nhiệm thanh toán: Ông Gi và bà D là vợ chồng, ông Gi mua vật tư nông nghiệp của ông Th phục vụ sản xuất lúa của gia đình, bà D biết rõ tiền mua bán và còn trực tiếp trả cho ông Th 30.618.000 đồng. Sau đó, ông Gi còn cầm cố đất vợ chồng trả cho ông nợ cho ông Th 100.000.000 đồng. Do đó, ông Gi và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th vốn 156.985.000 đồng và lãi 10.247.000 đồng, tổng cộng 167.232.000 đồng.

[2.4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra quyết định số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/8/2019 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Gi và bà D. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này còn cần thiết nên tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án. Ông Th yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có căn cứ nên quyết định số 07/2019/QĐ-BPBD ngày 19/8/2019 buộc thực hiện biện pháp bảo đảm không còn cần thiết nên được hủy bỏ. Ông Th (do ông T nộp thay) được nhận lại tiền bảo đảm 30.000.000 đồng.

[2.5] Về án phí:

Ông Gi và bà D cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th đối với số tiền 46.944.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th đối với ông Dương Văn Gi và bà Nguyễn Thị D về hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Dương Văn Gi và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu Th 156.985.000 đồng vào lãi 10.247.000 đồng, tổng cộng 167.232.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú để đảm bảo thi hành án.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2019/QĐ-BPBD ngày 19/8/2019. Ông T được nhận lại tiền đã nộp bảo đảm 30.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm ngày 19/8/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Châu Phú.

Ông Gi và bà D cùng phải chịu 8.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Th 5.099.000 (Năm triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số 0005232 ngày 01/8/2019 và số 0005270 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Gi vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;*
- *Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn